

Bản án số: 93/2017/KDTM-ST.

Ngày: 12/7/2017

V/v “tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý

2. Bà Nguyễn Thị Liên Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2016/TLST- KDTM ngày 3 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH N. Địa chỉ: Số 14, đường 3A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 5 tháng 8 năm 2016).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T. Địa chỉ: Số 49/14 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2016, nguyên đơn – Công ty TNHH N trình bày yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn – Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T như sau:

Công ty có bán sản phẩm sơn N cho Công ty T theo hợp đồng mua bán số NPV-HCMC/TU 015-14 ngày 10/3/2014 với thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tính đến ngày 31/3/2015, Công ty T đã xác nhận nợ số tiền mua hàng là 108.779.106 đồng tại Bảng kê chi tiết số dư nợ còn phải trả ngày 31/3/2015. Từ đó đến nay Công ty T đã trả lại hàng trị giá 14.619.553 đồng và thanh toán 20.000.000 đồng. Như vậy, Công ty T còn nợ số tiền 74.159.553 đồng. Ngày 13/10/2015, Công ty T có giấy cam kết sẽ trả dần hết số nợ mỗi tháng 10.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 11/2015 nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở và có thông báo đòi nợ. Do vậy, Công ty phải khởi kiện buộc Công ty T trả số tiền gốc mua hàng còn nợ 74.159.553 đồng và tiền lãi phát sinh 11.283.816 đồng, tổng cộng là 85.443.369 đồng. Ngày 31/3/2017, Công ty TNHH N rút yêu cầu về tiền lãi phát sinh 11.283.816 đồng đã ghi trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2016.

Ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về phía bị đơn vắng mặt kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn có bán hàng sơn N cho bị đơn theo hợp đồng mua bán ngày 10/3/2014. Theo bảng kê số dư nợ còn phải trả đến ngày 30/6/2016 thì: số dư nợ ngày 31/3/2015 là 108.779.106 đồng, tổng giá trị hàng trả lại từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/6/2016 là 14.619.553 đồng, tổng số tiền đã trả từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/6/2016 là 20.000.000 đồng. Số dư nợ đến ngày 31/5/2015 bị đơn phải thanh toán là 74.159.553 đồng. Trước đó, vào ngày 13/10/2015, bị đơn có viết Giấy cam kết trả nợ, theo đó bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 75.842.352 đồng. Tuy nhiên, theo bảng theo dõi công nợ của nguyên đơn thì bị đơn chỉ nợ nguyên đơn số tiền 74.159.553 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả đúng số tiền này ngay sau khi bản án có hiệu lực. Về tiền lãi, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đòi tiền lãi 11.283.816 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T mặc dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: trong vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác nhận tình trạng hoạt động của bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng mua bán số NPV-HCMC/TU 015-14 ngày 10/3/2014 theo đó nguyên đơn cung cấp bán hàng sơn cho bị đơn với số lượng và giá cả theo bảng báo giá đính kèm. Số lượng đặt hàng tùy thuộc vào từng đơn đặt hàng cụ thể, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Tại bảng kê số dư nợ còn phải trả đến ngày 30/6/2016 thì: số dư nợ ngày 31/3/2015 là 108.779.106 đồng, tổng giá trị hàng trả lại từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/6/2016 là 14.619.553 đồng, tổng số tiền đã trả từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/6/2016 là 20.000.000 đồng. Số dư nợ đến ngày 31/5/2015 Công ty CP Sản xuất và Thương mại T phải thanh toán là 74.159.553 đồng.

Tại Giấy cam kết trả nợ ngày 13/10/2015 có nội dung: căn cứ Hợp đồng mua bán số NPV-HCMC/TU 015-14 ngày 10/3/2014 giữa Công ty TNHH N và Công ty Cổ phần SX và TM T. Căn cứ vào bảng theo dõi công nợ đến ngày 13/10/2015, Công ty CP Sản xuất và Thương mại T còn nợ quý Công ty là 75.842.352 đồng. Trên tinh thần hợp tác, Công ty CP Sản xuất và Thương mại T sẽ trả dần hết số nợ trên vào mỗi tháng (10.000.000đ/tháng) bắt đầu từ tháng 11/2015.

Như vậy, căn cứ vào Giấy cam kết trả nợ ngày 13/10/2015 thì bị đơn đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 75.842.352 đồng, cam kết sẽ trả dần mỗi tháng (10.000.000đ/tháng) bắt đầu từ tháng 11/2015. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên vào ngày 30/7/2016 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về số tiền phải trả: theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/10/2015 thì bị đơn xác nhận số tiền còn nợ là 75.842.352 đồng, tại đơn khởi kiện và tại bảng kê chi tiết số dư nợ thì số tiền còn nợ là 74.159.553 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu là 74.159.553 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả ngay số tiền 74.159.553 đồng cho nguyên đơn.

[4.3] Về tiền lãi: tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh (theo mức lãi suất vay nợ quá hạn bình quân do Ngân hàng nhà nước quy định 14%/năm) là 11.283.816 đồng. Ngày 31/3/2017 nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu về tiền lãi phát sinh và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đòi số tiền lãi 11.283.816 đồng đối với bị đơn. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4.4] Đối với bị đơn: tại phiên tòa bị đơn đã được niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.5] Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, 306 của Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 74.159.553 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 74.159.553 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) là 3.707.978 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 74.159.553 (bảy mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn năm trăm năm mươi ba đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lãi 11.283.816 đồng của nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.707.978 (ba triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH N 2.136.084 (hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm tám mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011114 ngày 26/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình nơi bị đơn có trụ sở. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- THADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương

